

-(이)라고 하다

được gọi là, tên là

Giới thiệu một cái tên hoặc một thuật ngữ. Đây là dạng dùng để nói một thứ được gọi là gì, và là bước đầu tiên bước vào hệ thống câu tường thuật rộng hơn.

Cách kết hợp

Loại danh từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng phụ âm	-이라고 하다	김밥이라고 해요
Kết thúc bằng nguyên âm	-라고 하다	김치라고 해요
Hỏi	뭐라고 해요?	한국어로 뭐라고 해요?
Giới thiệu trang trọng	-(이)라고 합니다	마이클이라고 합니다
Gọi ai/cái gì	-(이)라고 부른다	친구들은 저를 마이크라고 불러요
Tường thuật câu trần thuật	-(느)ㄴ다고 하다	간다고 해요

Khi nào dùng

Danh từ kết thúc bằng phụ âm dùng -이라고: 김밥이라고 해요.
Danh từ kết thúc bằng nguyên âm dùng -라고: 김치라고 해요.
Cùng quy tắc mà bạn đã biết từ 이에요 / 예요.

Công việc hằng ngày của nó là gọi tên: 제 이름은 마이클이라고 합니다 khi giới thiệu, hoặc giải thích một từ lạ: 이 음식을 한국어로 뭐라고 해요?

Về cấu trúc, đây là nhánh danh từ trong hệ thống câu tường thuật của tiếng Hàn. Câu trần thuật dùng -(느)ㄴ다고 하다, câu hỏi dùng -(으)냐고 하다, v.v. — một hệ thống bạn sẽ học kỹ ở cấp 2. Học dạng này trước sẽ giúp phần còn lại dễ nắm hơn.

Ví dụ trong câu

- 1

저는 장노을이라고 합니다.
Tên tôi là Jang Noeul.
- 2

이걸 한국어로 뭐라고 해요?
Cái này tiếng Hàn gọi là gì?
- 3

친구가 내일 온다고 했어요.
Bạn tôi nói mai bạn ấy sẽ đến.
- 4

날씨가 좋다고 해요.
Nghe nói thời tiết đẹp.
- 5

언제 오냐고 물어봤어요.
Tôi đã hỏi khi nào cô ấy đến.
- 6

빨리 오라고 했어요.
Tôi đã bảo cô ấy đến nhanh lên.

So sánh với

이에요 / 예요
이에요 dùng để xác định; -(이)라고 하다 dùng để gọi tên. Tự giới thiệu bằng 라고 합니다 trang trọng và khiêm tốn hơn một chút so với 입니다.
저는 마이클이에요. (Tôi là Michael) / 마이클이라고 합니다. (Tôi tên là Michael)

-(이)라고 부른다
하다 nói một thứ được gọi là gì nói chung; 부른다 nói ai là người gọi. Dùng 부른다 khi người gọi là điều quan trọng.
이걸 김밥이라고 해요. / 친구들은 저를 마이크라고 불러요.

-(느)ㄴ다고 하다
Nhánh động từ của cùng hệ thống, dùng để tường thuật lời ai đó nói. -(이)라고 하다 dùng cho danh từ; -(느)ㄴ다고 하다 dùng cho câu.
김치라고 해요. (nó gọi là kimchi) / 간다고 해요. (anh ấy nói là sẽ đi)

Lưu ý

- ✗ 이걸 김밥라고 해요.

○ 이걸 김밥이라고 해요.

김밥 kết thúc bằng phụ âm, nên dùng 이라고. Quy tắc giống với 이에요 / 예요.
- ✗ 제 이름은 마이클라고 합니다.

○ 제 이름은 마이클이라고 합니다.

마이클 kết thúc bằng ㄹ, ở đây là phụ âm, nên dùng 이라고.
- ✗ 이 음식이 뭐라고 해요?

○ 이 음식을 뭐라고 해요?

Thứ được gọi tên là tân ngữ của 하다, nên dùng 을/를 chứ không phải 이/가.